

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ TÂN UYÊN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 12-01-2023
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con và chia tài sản chung vợ chồng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Lê;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Sơn Tây;

2. Ông Nguyễn Thanh Cần.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Tân Uyên tham gia phiên tòa: bà Bò Thị Hồng - Kiểm sát viên.

Vào các ngày 11 và 12 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 134/2021/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 6 năm 2021 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản chung vợ chồng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 86/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 12 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 97/2022/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Phạm Văn Ph, sinh năm 1978; địa chỉ thường trú: Số 276/B, tổ 1, khu phố 8, phường H, thị xã TU, tỉnh Bình Dương; có mặt.

2. *Bị đơn:* Bà Lương Thị Hồng Th, sinh năm 1974; địa chỉ thường trú: Số 276/B, tổ 1, khu phố 8, phường H, thị xã TU, tỉnh Bình Dương; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Ông Nguyễn Văn Q, sinh năm 1979; Luật sư thuộc Văn phòng luật sư Nguyễn Q – Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ: Số 648 Tỉnh lộ 15, ấp 5, xã Đ, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh; có mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập:* Bà Phạm Thị K, sinh năm 1953; thường trú: tổ 3, ấp Đ, xã T, huyện BTU, tỉnh Bình

Dương; địa chỉ tạm trú: Đường số 04, tổ 1, khu phố 3, phường H, thị xã TU, tỉnh Bình Dương; có mặt.

4. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

4.1. Ông Trần Văn T, sinh năm 1949; địa chỉ: Đường số 04, tổ 1, khu phố 3, phường H, thị xã TU, tỉnh Bình Dương; có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

4.2. Chị Phạm Thị Hồng Nh, sinh năm 2001; địa chỉ thường trú: Số 276/B, tổ 1, khu phố 8, phường H, thị xã TU, tỉnh Bình Dương; có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 11/5/2021 và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn ông Phạm Văn Ph trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: ông Phạm Văn Ph và bà Lương Thị Hồng Th có thời gian tìm hiểu nhau thì tiến tới hôn nhân, vợ chồng có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn (nay là phường) H, huyện (nay là thị xã) TU, tỉnh Bình Dương và được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 24, quyền số 01 ngày 15/5/1999. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng đến năm 2018 thì thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu liên quan đến tài chính (tiền bạc), kinh doanh; vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp, vợ chồng không tôn trọng, quan tâm đến nhau, cuộc sống của ai người nấy lo, Cũng từ đó, vợ chồng ít khi trao đổi và chia sẻ với nhau. Vợ chồng đã ly thân từ năm 2018 cho đến nay. Xét thấy, tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng không thể hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, ông Phạm Văn Ph yêu cầu được ly hôn với bà Lương Thị Hồng Th.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Phạm Thị Hồng Nh, sinh ngày 08/10/2001 và Phạm Trung H , sinh ngày 29/5/2009. Trong đơn khởi kiện ông Ph yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Phạm Trung H . Tuy nhiên hiện tại cháu Hiếu đang sống cùng với bà Th và có nguyện vọng được tiếp tục sống cùng với bà Th nên sau khi ly hôn ông Ph đồng ý để bà Th trực tiếp nuôi dưỡng cháu Hiếu. Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Ph không đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung Phạm Trung H vì hiện tại ông Ph không có công việc và không có thu nhập ổn định. Đối với con chung tên Phạm Thị Hồng Nh, sinh ngày 08/10/2001 đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Trong thời kỳ hôn nhân, vợ chồng có tạo lập được các tài sản chung như sau:

- Quyền sử dụng đất diện tích 345m² (theo kết quả đo đạc thực tế là 343,2m²; trong đó có 100m² đất ở) thuộc thửa đất số 274, tờ bản đồ số 6 tại xã Bạch Đằng, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CL955476, số

vào sổ CS03953 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp ngày 19/3/2018 cho ông Phạm Văn Ph. Nguồn gốc đất là do nhận chuyển nhượng từ ông Nguyễn Đức Thv và bà Lâm Thị Ngọc H ngày 26/01/2018.

- Quyền sử dụng đất diện tích 589,1m² (theo kết quả đo đạc thực tế là 586,5m²; trong đó có 300m² đất ở) thuộc thửa đất số 581, tờ bản đồ số 6 tại phường Hội Nghĩa, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CD286743, số vào sổ CS04846 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp ngày 27/4/2016 cho ông Phạm Văn Ph. Nguồn gốc đất là do nhận chuyển nhượng từ vợ chồng ông Nguyễn Văn L và bà Ung Thị Thu Th ngày 30/01/2016.

Ông Ph xác định các quyền sử dụng đất nêu trên là tài sản chung của vợ chồng. Sau khi ly hôn, ông Ph yêu cầu được nhận bằng hiện vật đối với quyền sử dụng đất theo kết quả đo đạc thực tế là 586,5m² thuộc thửa đất số 581, tờ bản đồ số 6 tại phường Hội Nghĩa, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương nhưng không đồng ý bồi hoàn giá trị chênh lệch cho bị đơn bà Lương Thị Hồng Th.

Ngoài ra, vợ chồng còn có các tài sản khác gồm:

- Xe ô tô nhãn hiệu Toyota 7 chỗ, có số khung 69G2G9014642, số máy 2TRA015636, biển số 61A- 26279 đứng tên ông Phạm Văn Ph. Xe này hiện ông Ph đang quản lý, sử dụng. Ông Ph xác định đây là tài sản chung của vợ chồng. Khi ly hôn, ông Ph đồng ý nhận xe và đồng ý bồi hoàn ½ giá trị xe cho bà Th.

- Số tiền chia lợi tức của năm 2019 là 1.550.000.000 đồng. Ông Ph xác định đây là tài sản chung của vợ chồng. Trong tổng số tiền trên thì bà Th đang giữ 250.000.000 đồng (*hai trăm năm mươi triệu đồng*), ông Ph đang giữ 1.300.000.000 đồng (*một tỷ ba trăm triệu đồng*). Khi ly hôn, ông Ph đồng ý chia đôi, mỗi người ½.

Tại phiên toà, nguyên đơn ông Phạm Văn Ph và bà Lương Thị Hồng Th thống nhất thoả thuận chia tài sản chung như sau:

- Bà Lương Thị Hồng Th được chia quyền sử dụng diện tích đo đạc thực tế là 586,5m² thuộc thửa đất số 581, tờ bản đồ số 6 tại phường Hội Nghĩa, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

- Ông Phạm Văn Ph được chia: Quyền sử dụng đất diện tích theo kết quả đo đạc thực tế là 343,2m² thuộc thửa đất số 274, tờ bản đồ số 6 tại xã Bạch Đằng, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương; xe ô tô nhãn hiệu Toyota 7 chỗ, biển số 61A-26279 đứng tên ông Phạm Văn Ph và số tiền chia lợi tức của năm 2019 là 1.300.000.000 đồng.

- Không ai phải bồi hoàn giá trị chênh lệch cho nhau.

Về nợ chung: Khoảng cuối năm 2006, đầu năm 2007, ông Ph có đứng ra vay của chị gái tên Phạm Thị K số tiền 359.000.000 đồng (*ba trăm năm mươi*

chín triệu đồng) với mục đích là xây dựng 01 căn kiot và 22 căn nhà trọ trên phần đất thuộc thửa đất số 734, tờ bản đồ số 52 tại phường Uyên Hưng, thị xã Tân Uyên, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 02016 do UBND huyện (nay là thị xã) Tân Uyên đứng tên bà Đỗ Thị C (mẹ ông Ph). Việc vay mượn không có lập thành văn bản; bà Th cũng hoàn toàn không biết ông Ph vay mượn số tiền 359.000.000 đồng từ bà K; ông Ph cũng không nói cho bà Th biết việc này vì ông Ph nghĩ bà Th phải biết vì trên thực tế, tại thời điểm xây dựng 01 căn kiot và 22 căn nhà trọ thì vợ chồng cũng không có tích lũy được bao nhiêu, công việc của vợ chồng lúc đó đều làm công nhân. Do là chị em nên việc vay mượn không có lập thành văn bản, không thoả thuận ngày trả cụ thể, chỉ nói khi nào có tiền dư thì trả.

Khoảng cuối năm 2017, đầu năm 2018, ông Ph tiếp tục đứng ra vay của bà Phạm Thị K số tiền 180.000.000 đồng (*một trăm tám mươi triệu đồng*) với mục đích là bù thêm tiền để nhận chuyển nhượng thửa đất số 581 tại phường Hội Nghĩa. Việc ông Ph vay số tiền 180.000.000 đồng thì ông Ph có nói cho bà Th nghe nên bà Th biết việc này. Do là chị em nên việc vay mượn không có lập thành văn bản, không thoả thuận ngày trả cụ thể, chỉ nói khi nào có tiền dư thì trả dần.

Ông Ph xác định 02 khoản vay trên là nợ chung của vợ chồng. Khi ly hôn, ông Ph yêu cầu chia đôi tiền nợ, mỗi người $\frac{1}{2}$. Đồng thời, ông Ph đồng ý trả tiền lãi cho bà K.

Theo đơn yêu cầu phản tố ngày 06/12/2021; đơn rút một phần yêu cầu phản tố ngày 28/02/2022 và ngày 02/8/2022; và các lời khai tại Tòa án, bị đơn bà Lương Thị Hồng Th trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Lương Thị Hồng Th thống nhất với lời trình bày của ông Ph về thời gian tìm hiểu, thời gian và địa điểm đăng ký kết hôn. Về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng theo bà Th trình bày là do bất đồng quan điểm, không chung tiếng nói, không tin tưởng nhau và vợ chồng không chung thủy với nhau. Vợ chồng ly thân từ năm 2018 cho đến nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng không thể hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, bà Lương Thị Hồng Th đồng ý ly hôn với ông Phạm Văn Ph.

Về con chung: Bà Th thống nhất với lời trình bày của ông Ph về con chung. Sau khi ly hôn, bà Th yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Phạm Trung H, sinh ngày 29/5/2009. Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Th yêu cầu ông Ph có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Hiếu mỗi tháng 3.000.000 đồng (*ba triệu đồng*) cho tới khi cháu Hiếu đủ 18 tuổi. Tuy nhiên, tại phiên toà, bà Th không yêu cầu ông Ph cấp dưỡng nuôi con chung. Riêng con chung tên Phạm Thị Hồng Nh hiện đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Bà Th cho rằng trong thời kỳ hôn nhân, vợ chồng có tạo lập được các tài sản chung gồm:

- Quyền sử dụng đất diện tích 345m² (theo kết quả đo đạc thực tế là 343,2m²; trong đó có 100m² đất ở) thuộc thửa đất số 274, tờ bản đồ số 6 tại xã Bạch Đằng, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CL955476, số vào sổ CS03953 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp ngày 19/3/2018 cho ông Phạm Văn Ph. Nguồn gốc đất là do nhận chuyển nhượng từ ông Nguyễn Đức Th và bà Lâm Thị Ngọc H ngày 26/01/2018.

- Quyền sử dụng đất diện tích 589,1m² (theo kết quả đo đạc thực tế là 586,5m²; trong đó có 300m² đất ở) thuộc thửa đất số 581, tờ bản đồ số 6 tại phường Hội Nghĩa, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CD286743, số vào sổ CS04846 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp ngày 27/4/2016 cho ông Phạm Văn Ph. Nguồn gốc đất là do nhận chuyển nhượng từ vợ chồng ông Nguyễn Văn L và bà Ung Thị Thu Th ngày 30/01/2016.

Khi ly hôn, bà Th yêu cầu chia đôi quyền sử dụng đất nêu trên. Bà Th yêu cầu được nhận bằng hiện vật đối quyền sử dụng đất theo kết quả đo đạc thực tế là 343,2m² thuộc thửa đất số 274, tờ bản đồ số 6 tại xã Bạch Đằng, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

Ngoài ra, vợ chồng còn có các tài sản khác gồm:

- Xe ô tô nhãn hiệu Toyota 7 chỗ, có số khung 69G2G9014642, số máy 2TRA015636, biển số 61A- 26279 đứng tên ông Phạm Văn Ph. Xe này hiện ông Ph đang quản lý, sử dụng. Khi ly hôn, bà Th yêu cầu được nhận ½ giá trị xe.

- Số tiền chia lợi tức của năm 2019 là 1.550.000.000 đồng. Trong tổng số tiền trên thì bà Th đang giữ 250.000.000 đồng (*hai trăm năm mươi triệu đồng*), ông Ph đang giữ 1.300.000.000 đồng (*một tỷ ba trăm triệu đồng*). Khi ly hôn, bà Th yêu cầu chia đôi số tiền trên.

Tại phiên toà, bị đơn bà Lương Thị Hồng Th và nguyên đơn ông Phạm Văn Ph thống nhất thoả thuận chia tài sản chung như sau:

- Bà Lương Thị Hồng Th được chia quyền sử dụng diện tích đo đạc thực tế là 586,5m² thuộc thửa đất số 581, tờ bản đồ số 6 tại phường Hội Nghĩa, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

- Ông Phạm Văn Ph được chia: Quyền sử dụng đất diện tích theo kết quả đo đạc thực tế là 343,2m² thuộc thửa đất số 274, tờ bản đồ số 6 tại xã Bạch Đằng, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương; xe ô tô nhãn hiệu Toyota 7 chỗ, biển số 61A-26279 đứng tên ông Phạm Văn Ph và số tiền chia lợi tức của năm 2019 là 1.300.000.000 đồng.

- Không ai phải bồi hoàn giá trị chênh lệch cho nhau.

* Đối với các tài sản: 22 phòng trọ và 01 kiot được xây dựng trên thửa đất 734, tờ bản đồ số 52 tại phường Uyên Hưng, thị xã Tân Uyên đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Đỗ Thị C; các tài sản vật dụng trong gia đình gồm: 01 tủ thờ, 01 bộ ghế salon gỗ, 01 tủ lạnh Toshiba, 01 tivi, 01 máy giặt, 02 giường ngủ, tủ chén, 02 bàn ghế nhôm; xe mô tô nhãn hiệu Lead, biển số 61E1-62759 đứng tên bà Lương Thị Hồng Th và xe mô tô nhãn hiệu RS, biển số 61U1-8463 đứng tên ông Phạm Văn Ph thì bà Th không có yêu cầu chia và đồng thời đã có đơn xin rút yêu cầu chia đối với các tài sản này.

+ Về nợ chung: Bà Th cho rằng trong thời kỳ hôn nhân thì vợ chồng không có nợ chung. Bà Th hoàn toàn không biết việc ông Ph có vay mượn 02 khoản tiền nêu trên từ bà Phạm Thị K. Do đó, bà Th không đồng ý với yêu cầu độc lập của bà Phạm Thị K và không đồng ý với ý kiến của ông Ph.

Theo đơn yêu cầu độc lập ngày 01/11/2022 của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị K; và các lời khai tại Tòa án, bà Phạm Thị K trình bày: Bà Phạm Thị K là chị gái của ông Phạm Văn Ph.

Vào khoảng cuối năm 2006, ông Phạm Văn Ph có vay của bà K số tiền 359.000.000 đồng (*ba trăm năm mươi chín triệu đồng*) với mục đích là xây dựng 01 căn kiot và 22 căn nhà trọ trên phần đất thuộc thửa đất số 734, tờ bản đồ số 52 tại phường Uyên Hưng, thị xã Tân Uyên, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 02016 do UBND huyện (nay là thị xã) Tân Uyên đứng tên mẹ bà K bà Đỗ Thị C. Do là chị em nên việc vay mượn không có lập thành văn bản, không có người làm chứng, không thoả thuận ngày trả cụ thể, chỉ nói khi nào có tiền dư thì trả. Bà K xác định tiền này là tiền riêng của cá nhân bà K, không có liên quan đến chồng con bà K.

Vào khoảng năm 2017, ông Phạm Văn Ph tiếp tục vay của bà K số tiền 180.000.000 đồng (*một trăm tám mươi triệu đồng*) với mục đích đầu tư kinh doanh phục vụ nhu cầu thiết yếu của gia đình. Nguồn gốc số tiền là tiền thu được từ việc bán di sản của cha mẹ chết để lại. Bà K gửi tiền vào Ngân hàng để lấy lãi cúng cơm hàng năm cho cha mẹ. Do là chị em nên việc vay mượn cũng không có lập thành văn bản, không có người làm chứng, không thoả thuận ngày trả cụ thể, chỉ nói khi nào có tiền dư thì trả dần. Nay bà K yêu cầu ông Phạm Văn Ph và bà Lương Thị Hồng Th có trách nhiệm trả cho bà K tổng tiền gốc là 539.000.000 đồng (*Năm trăm ba mươi chín triệu đồng*) và tiền lãi phát sinh với mức lãi suất 0,75%/01 tháng từ thời điểm vay, cụ thể: đối với khoản vay 359.000.000 đồng tính từ tháng 12/2006 cho đến ngày xét xử sơ thẩm (làm tròn 192 tháng); đối với khoản vay 180.000.000 đồng tính từ tháng 12/2017 cho đến ngày xét xử sơ thẩm (làm tròn 60 tháng) là 597.960.000 đồng; tổng số tiền là 1.136.960.000 đồng (*một tỷ một trăm ba mươi sáu triệu chín trăm sáu mươi nghìn đồng*).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn T trình bày:

Ông T là chồng bà Phạm Thị K. Vào khoảng giữa năm 2006, thời điểm đó vợ chồng ông T có nhận tiền bồi thường đất bị thu hồi ở xã Tân Mỹ. Ông T có nghe bà K kể lại là có cho ông Phạm Văn Ph vay một khoản tiền để vợ chồng ông Ph, bà Th xây dựng phòng trọ trên thửa đất 734, tờ bản đồ số 52 tại phường Uyên Hưng, thị xã Tân Uyên đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho mẹ vợ ông T là bà Đỗ Thị C. Ông T không biết bà K cho ông Ph vay số tiền cụ thể là bao nhiêu, có lập thành văn bản hay không và ông cũng không có chứng kiến việc giao nhận tiền. Đối với khoản tiền 180.000.000 đồng mà bà K yêu cầu Tòa án giải quyết thì ông cũng nghe bà K kể lại số tiền này là tiền bán di sản của cha mẹ bà K để lại. Khoản tiền này không phải của vợ chồng ông. Việc bà K cho ông Ph vay mượn như thế nào thì ông cũng không biết. Ông đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu độc lập của vợ tôi bà Phạm Thị K.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị Hồng Nh trình bày: Bà Nh là con ruột của ông Ph và bà Th. Bà Nhung không có công sức, đóng góp gì đối với các tài sản mà hiện tại ông Ph và bà Th đang tranh chấp yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người bảo quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn ông Nguyễn Văn Q Trình bày: Tại phiên toà phiên toà ông Ph và bà Th thống nhất ly hôn thì đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận; về con chung thì đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu Hiếu cho bà Th tiếp tục nuôi dưỡng và ghi nhận sự tự nguyện của bà Th về việc không yêu cầu ông Ph cấp dưỡng nuôi cháu Hiếu; riêng con chung Phạm Thị Hồng Nh đã thành niên nên không yêu cầu Hội đồng xét xử giải quyết; về tài sản chung thì đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự thoả thuận của bà Th và ông Ph về việc chia tài sản chung của vợ chồng; về nợ chung thì nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập bà bà Phạm Thị K không có chứng cứ gì chứng minh tiền nợ 539.000.000 đồng là nợ chung của vợ chồng ông Ph và bà Th; đồng Thời bà Th hoàn toàn không biết việc ông Ph có vay khoản tiền trên từ bà K; do đó đề nghị Hội đồng xét xử không tuyên buộc bà Th có trách nhiệm liên đới cùng với ông Ph trả nợ cho bà K.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Tân Uyên phát biểu quan điểm:

- Về việc thực hiện quá trình tố tụng như sau: Vụ án thuộc thẩm quyền xét xử của Tòa án và còn trong thời hạn giải quyết. Về việc tuân theo pháp luật, Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng, các đương sự đã thực hiện đúng quy định.

- Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử công nhận thuận tình ly hôn của ông Ph và bà Th;

Về con chung: Hiện nay con chung tên Phạm Trung H đang sống với bà Th, cháu Hiếu có nguyện vọng được sống với bà Th và ông Ph cũng đồng ý để

bà Th tiếp tục nuôi dưỡng nuôi con nên đề nghị Hội đồng xét xử giao con chung Phạm Trung H cho bà Th được tiếp tục nuôi dưỡng; đồng thời ghi nhận sự tự nguyện của bà Th không yêu cầu ông Ph có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Hiếu. Đối với con chung tên Phạm Thị Hồng Nh hiện đã thành niên các đương sự không yêu cầu giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không đề cập xem xét.

Về tài sản chung: Đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử yêu cầu phản tố của bị đơn về việc chia tài sản chung vợ chồng gồm: 22 phòng trọ và 01 kiot được xây dựng trên thửa đất 734, tờ bản đồ số 52 tại phường Uyên Hưng, thị xã Tân Uyên đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Đỗ Thị Cụt; các tài sản vật dụng trong gia đình gồm: 01 tủ thờ, 01 bộ ghế salon gỗ, 01 tủ lạnh Toshiba, 01 tivi, 01 máy giặt, 02 giường ngủ, tủ chén, 02 bàn ghế nhôm; xe mô tô nhãn hiệu Lead, biển số 61E1- 62759 đứng tên bà Lương Thị Hồng Th và xe mô tô nhãn hiệu RS, biển số 61U1- 8463 đứng tên ông Phạm Văn Ph.

Tại phiên toà, nguyên đơn ông Phạm Văn Ph và bị đơn có yêu cầu phản tố đã thoả thuận được với nhau về việc chia tài sản chung của vợ chồng, do đó đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận như sau:

- Bà Lương Thị Hồng Th được chia quyền sử dụng diện tích đo đạc thực tế là 586,5m² thuộc thửa đất số 581, tờ bản đồ số 6 tại phường Hội Nghĩa, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

- Ông Phạm Văn Ph được chia: Quyền sử dụng đất diện tích theo kết quả đo đạc thực tế là 343,2m² thuộc thửa đất số 274, tờ bản đồ số 6 tại xã Bạch Đằng, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương; xe ô tô nhãn hiệu Toyota 7 chỗ, biển số 61A-26279 đứng tên ông Phạm Văn Ph và số tiền chia lợi tức của năm 2019 là 1.300.000.000 đồng.

- Không ai phải bồi hoàn giá trị chênh lệch cho nhau.

Về nợ chung: Bà Phạm Thị K có đơn yêu cầu độc lập buộc ông Phạm Văn Ph và bà Lương Thị Hồng Th có nghĩa vụ liên đới trả tiền nợ gốc 539.000.000 đồng và tiền lãi là 597.960.000 đồng; tổng số tiền là 1.136.960.000 đồng. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà nguyên đơn ông Phạm Văn Ph và bà Phạm Thị K không có chứng cứ gì chứng minh số tiền nợ 539.000.000 đồng là nợ chung của vợ chồng ông Ph và bà Th. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu độc lập của bà K, tuyên buộc ông Ph có trách nhiệm trả tiền nợ gốc là 539.000.000 đồng và ghi nhận sự tự nguyện của ông Ph về việc trả tiền lãi 597.960.000 đồng cho bà K.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên toà, kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Ông Phạm Văn Ph khởi kiện về việc Ly hôn, tranh chấp về nuôi con. Bị đơn có yêu cầu phản tố chia tài sản chung vợ chồng. Do đó, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản chung vợ chồng” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn bà Lương Thị Hồng Th có đăng ký thường trú và đang cư trú cùng tại địa chỉ: Khu phố 8, phường Uyên Hưng, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

[1.2] Về việc vắng mặt của các đương sự:

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt nhưng đã có lời khai và văn bản đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt. Căn cứ vào Điều 228 và Điều 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[2] Về việc bị đơn rút một phần yêu cầu phản tố, Hội đồng xét xử thấy:

Tại phiên tòa, bị đơn rút một phần yêu cầu phản tố chia các tài sản gồm: giá trị 22 phòng trọ và 01 kiot được xây dựng trên thửa đất 734, tờ bản đồ số 52 tại phường Uyên Hưng, thị xã Tân Uyên đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Đỗ Thị Cụt; các tài sản vật dụng trong gia đình gồm: 01 tủ thờ, 01 bộ ghế salon gỗ, 01 tủ lạnh Toshiba, 01 tivi, 01 máy giặt, 02 giường ngủ, tủ chén, 02 bàn ghế nhôm; xe mô tô nhãn hiệu Lead, biển số 61E1- 62759 đứng tên bà Lương Thị Hồng Th và xe mô tô nhãn hiệu RS, biển số 61U1- 8463 đứng tên ông Phạm Văn Ph.

Xét thấy, việc rút một phần yêu cầu phản tố của bị đơn là tự nguyện, phù hợp pháp luật. Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết đối với phần bị đơn rút yêu cầu.

[3] Về nội dung:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Phạm Văn Ph và bà Lương Thị Hồng Th là những người đủ điều kiện kết hôn, chung sống với nhau trên cơ sở tình cảm tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân thị trấn (nay là phường) H huyện (nay là thị xã) TU, tỉnh Bình Dương cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 24, quyển số 01 ngày 15/5/1999 nên đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn từ năm 2018. Nguyên nhân mâu thuẫn theo các đương sự trình bày là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung trong vấn đề kinh tế của gia đình, việc kinh doanh của vợ chồng; vợ chồng không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Do đó, nguyên đơn ông Phạm Văn Ph yêu cầu được ly hôn. Bị đơn bà Lương Thị Hồng Th thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn như nguyên đơn trình bày và đồng ý ly hôn. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo

dài, mục đích hôn nhân không đạt được cho nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm Văn Ph về việc yêu cầu được ly hôn với bà Lương Thị Hồng Th là có cơ sở chấp nhận.

[3.2] Về việc nuôi dưỡng con chung: Ông Ph và bà Th thống nhất trình bày vợ chồng có 02 con chung tên Phạm Thị Hồng Nh, sinh ngày 08/10/2001 và Phạm Trung H, sinh ngày 29/5/2009. Hiện tại cháu H đang sống cùng bà Th. Khi ly hôn, bà Th yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu H. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà nguyên đơn ông Phạm Văn Ph đồng ý để bà Th tiếp tục nuôi dưỡng cháu H. Điều này cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu Hiếu tại bản tự khai ngày 24/11/2021. Xét thấy, đây là ý chí tự nguyện của các đương sự nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[3.3] Đối với con chung tên Phạm Thị Hồng Nh hiện đã thành niên, các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[3.4] Về việc cấp dưỡng nuôi con chung: Tại phiên toà, bị đơn bà Lương Thị Hồng Th không yêu cầu nguyên đơn ông Phạm Văn Ph có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung Phạm Trung H, sinh ngày 29/5/2009 nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[3.5] Về tài sản chung: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, các đương sự đều xác định tài sản chung của vợ chồng gồm có:

- Quyền sử dụng đất diện tích đo đạc thực tế 343,2m² thuộc thửa đất số 274, tờ bản đồ số 6 tại xã Bạch Đằng, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương (có trị giá 1.672.800.000 đồng) và quyền sử dụng đất diện tích đo đạc thực tế 586,5m² thuộc thửa đất số 581, tờ bản đồ số 6 tại phường Hội Nghĩa, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương (có trị giá tài sản 3.546.000.000 đồng); tổng cộng trị giá là 5.218.800.000 đồng.

- Xe ô tô nhãn hiệu Toyota 7 chỗ, biển số 61A- 26279 đứng tên ông Phạm Văn Ph; có trị giá là 690.000.000 đồng.

- Số tiền chia lợi tức của năm 2019 là 1.550.000.000 đồng; trong đó, bà Th đang giữ 250.000.000 đồng, ông Ph đang giữ 1.300.000.000 đồng.

Tại phiên toà, nguyên đơn ông Phạm Văn Ph và bị đơn có yêu cầu phản tố bà Lương Thị Hồng Th thống nhất thoả thuận phân chia như sau:

- Bà Lương Thị Hồng Th được chia quyền sử dụng diện tích đo đạc thực tế là 586,5m² thuộc thửa đất số 581, tờ bản đồ số 6 tại phường Hội Nghĩa, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương; trị giá tài sản là 3.546.000.000 đồng.

- Ông Phạm Văn Ph được chia: Quyền sử dụng đất diện tích theo kết quả đo đạc thực tế là 343,2m² thuộc thửa đất số 274, tờ bản đồ số 6 tại xã Bạch Đằng, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương (trị giá tài sản 1.672.800.000 đồng); xe ô tô nhãn hiệu Toyota 7 chỗ, biển số 61A- 26279 đứng tên ông Phạm Văn Ph (trị giá

tài sản 690.000.000 đồng) và số tiền chia lợi tức của năm 2019 là 1.300.000.000 đồng.

- Không ai phải bồi hoàn giá trị chênh lệch cho nhau.

Xét đây là ý chí tự nguyện của các đương sự, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] Về việc tranh chấp nợ:

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Phạm Văn Ph và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập bà Phạm Thị K cho rằng: Vào khoảng cuối năm 2006, ông Phạm Văn Ph có vay của bà K số tiền 359.000.000 đồng (*ba trăm năm mươi chín triệu đồng*), với mục đích là xây dựng 01 căn kiot và 22 phòng trọ trên phần đất thuộc thửa đất số 734, tờ bản đồ số 52 tại phường Uyên Hưng, thị xã Tân Uyên, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 02016 do UBND huyện (nay là thị xã) Tân Uyên đứng tên bà K bà Đỗ Thị C; và khoảng năm 2017, ông Phạm Văn Ph tiếp tục vay của bà K số tiền 180.000.000 đồng (*một trăm tám mươi triệu đồng*) với mục đích đầu tư kinh doanh phục vụ nhu cầu thiết yếu của gia đình. Do là chị em nên việc vay mượn không có lập thành văn bản, không có người làm chứng việc giao nhận tiền, không thỏa thuận ngày trả cụ thể, chỉ nói khi nào có tiền dư thì trả; tổng số tiền mà ông Ph vay của bà K là 539.000.000 đồng. Việc vay mượn nêu trên ông Ph không nói cho bà Th biết và nghĩ rằng bà Th phải biết việc này. Do đó, ông Ph đồng ý với toàn bộ yêu cầu của bà K. Tuy nhiên, bà Th không thừa nhận việc này và khẳng định rằng bà hoàn toàn không biết việc ông Ph vay 02 lần tiền nêu trên từ bà K.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, ông Ph thừa nhận việc vay mượn không có nói cho bà Th biết; bà K cũng thừa nhận việc vay mượn này chỉ giữa bà K với ông Ph và bà K cũng không nói cho bà Th biết; việc vay mượn không lập thành văn bản. Đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự. Mặt khác, lời khai của bà K và ông Ph về các lần giao và nhận tiền vay là không nhất quán với nhau. Do đó, không có cơ sở xác định 02 khoản tiền vay nêu trên là nợ chung của vợ chồng. Vì vậy, ông Ph phải có nghĩa vụ trả 02 khoản vay này cho bà K. Ghi nhận sự tự nguyện của ông Ph về việc thanh toán tiền lãi cho bà K.

[5] Xét thấy, yêu cầu của nguyên đơn có căn cứ chấp nhận một phần; yêu cầu phản tố của bị đơn có căn cứ chấp nhận; yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là có căn cứ chấp nhận một phần; ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa có căn cứ, phù hợp pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn và chấp nhận một phần yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[6] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá: Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá là 9.551.000 đồng, bị đơn đã nộp tạm ứng toàn bộ số tiền nêu trên. Yêu cầu phản tố của bị đơn được Tòa án chấp nhận, căn cứ vào các điều 157 và 165 của Bộ luật tố tụng dân sự, mỗi bên phải chịu $\frac{1}{2}$ chi phí nêu trên. Do đó, ông Ph phải nộp số tiền 4.775.500 đồng để trả lại cho bà Th.

[7] Về án phí: Các đương sự phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điều 5, Điều 28, Điều 35, Điều 92, Điều 147, Điều 157, Điều 165, Điều 217, Điều 218, Điều 228, Điều 244, Điều 266, Điều 269, Điều 271, Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 210, 212, 213, 468 của Bộ luật dân sự 2015;

- Điều 17, 19, 29, 33, 56, 59, 62, 81, 82, 83, 84, 85, 110, 116, 117 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm Văn Ph về việc xin ly hôn, tranh chấp về con chung với bị đơn bà Lương Thị Hồng Th như sau:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Phạm Văn Ph được ly hôn với bà Lương Thị Hồng Th.

1.2. Về con chung: Giao con chung tên Phạm Trung H, sinh ngày 29/5/2009 cho bà Lương Thị Hồng Th được trực tiếp nuôi dưỡng. Riêng con chung tên Phạm Thị Hồng Nh hiện đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông Phạm Văn Ph và bà Lương Thị Hồng Th đều có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con theo quy định của pháp luật. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người đang trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con chưa thành niên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con khi có đơn yêu cầu.

1.3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ghi nhận sự tự nguyện của bà Lương Thị Hồng Th về việc không yêu cầu ông Phạm Văn Ph cấp dưỡng nuôi con chung Phạm Trung H, sinh ngày 29/5/2009.

2. Chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn bà Lương Thị Hồng Th về việc tranh chấp tài sản chung với nguyên đơn ông Phạm Văn Ph.

Về tài sản chung:

2.1. Bà Lương Thị Hồng Th được quyền sử dụng diện tích đất theo đo đạc thực tế là 586,5m² thuộc thửa đất số 581, tờ bản đồ số 6 tại phường Hội Nghĩa, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CD286743, số vào sổ CS04846 ngày 27/4/2016 đứng tên ông Phạm Văn Ph.

Thửa đất số 581, tờ bản đồ số 6 có tứ cận như sau: Đông giáp thửa đất số 270 và 851; Tây giáp thửa số 513; Nam giáp đường bê tông; Bắc giáp thửa số 516 và 562.

2.2. Ông Phạm Văn Ph được quyền sử dụng diện tích đất theo đo đạc thực tế là 343,2m² thuộc thửa đất số 274, tờ bản đồ số 6 tại xã Bạch Đằng, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CL955476, số vào sổ CS03953 ngày 19/3/2018 đứng tên ông Phạm Văn Ph.

Thửa đất số 274, tờ bản đồ số 6 có tứ cận như sau: Đông giáp Mương thủy lợi; Tây giáp thửa số 208; Nam giáp thửa số 310; Bắc giáp thửa số 273.

(Theo sơ đồ các thửa đất đính kèm bản án)

2.3. Ông Phạm Văn Ph và bà Lương Thị Hồng Th có quyền và nghĩa vụ liên hệ với các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để thực hiện việc kê khai, đăng ký đối với các thửa đất được chia nêu trên theo quy định của pháp luật.

2.4. Ông Phạm Văn Ph được quyền sở hữu: 01 xe ô tô Toyota 7 chỗ, biển số 61A-26279 đứng tên ông Phạm Văn Ph và số tiền chia lợi tức của năm 2019 là 1.300.000.000 đồng *(một tỷ ba trăm triệu đồng)*.

3. Chấp nhận một phần yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị K về việc yêu cầu ông Phạm Văn Ph và bà Lương Thị Hồng Th có nghĩa vụ thanh toán tiền nợ.

Buộc ông Phạm Văn Ph có nghĩa vụ trả cho bà Phạm Thị K tiền nợ gốc là 539.000.000 đồng và tiền lãi là 597.960.000 đồng; tổng cộng số tiền là 1.136.960.000 đồng *(một tỷ một trăm ba mươi sáu triệu chín trăm sáu mươi nghìn đồng)*.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án nộp đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thanh toán xong thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất do Ngân hàng nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm thanh toán, tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 cho đến khi thi hành án xong

4. Đình chỉ giải quyết yêu cầu phản tố của bị đơn về việc chia các tài sản gồm: 22 phòng trọ và 01 kiot được xây dựng trên thửa đất 734, tờ bản đồ số 52 tại phường Uyên Hưng, thị xã Tân Uyên đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Đỗ Thị C; các tài sản vật dụng trong gia đình gồm: 01 tủ thờ, 01 bộ ghế salon gỗ, 01 tủ lạnh Toshiba, 01 tivi, 01 máy giặt, 02 giường ngủ, tủ chén, 02 bàn ghế nhôm; xe mô tô nhãn hiệu Lead, biển số 61E1- 62759 đứng tên bà Lương Thị Hồng Th và xe mô tô nhãn hiệu RS, biển số 61U1- 8463 đứng tên ông Phạm Văn Ph.

5. Về chi phí tố tụng: Ông Phạm Văn Ph phải nộp số tiền 4.775.500 đồng (*bốn triệu bảy trăm bảy mươi lăm nghìn năm trăm đồng*) để trả lại cho bà Lương Thị Hồng Th.

6. Án phí dân sự sơ thẩm:

6.1 Ông Phạm Văn Ph phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng; án phí chia tài sản chung 105.256.000 đồng; án phí nghĩa vụ trả nợ 46.109.000 đồng; tổng cộng là 151.665.000 đồng (*một trăm năm mươi một triệu sáu trăm sáu mươi lăm nghìn đồng*).

6.2 Bà Lương Thị Hồng Th phải chịu án phí số tiền 102.920.000 đồng (*một trăm lẻ hai triệu chín trăm hai mươi nghìn đồng*), khấu trừ vào số tiền 44.700.000 đồng đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số AA/2021/0005602 ngày 01/12/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Tân Uyên. Bà Lương Thị Hồng Th phải nộp thêm số tiền 58.220.000 đồng (*năm mươi tám triệu hai trăm hai mươi nghìn đồng*).

7. Về quyền kháng cáo:

7.1 Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

7.2 Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Tân Uyên;
- Chi cục THADS thị xã Tân Uyên;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Võ Thị Lê